



DOI:10.22144/ctujos.2024.279

## ĐA DẠNG NGUỒN TÀI NGUYÊN CÂY CÓ ÍCH Ở ĐẢO NAM DU TỈNH KIÊN GIANG

Trần Tú Trinh<sup>1</sup>, Hồ Thị Phi Yến<sup>1</sup>, Đặng Văn Sơn<sup>2</sup>, Trương Bá Vương<sup>2</sup>, Nguyễn Thị Kim Thanh<sup>3</sup>  
và Đặng Minh Quân<sup>4\*</sup>

<sup>1</sup>Lớp Cao học Sinh thái học Khóa 28, Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Cần Thơ

<sup>2</sup>Viện Sinh học Nhiệt đới, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam

<sup>3</sup>Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

<sup>4</sup>Bộ môn Sư phạm Sinh học, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

\*Tác giả liên hệ (Corresponding author): dmquan@ctu.edu.vn

### Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 14/10/2023

Sửa bài (Revised): 07/11/2023

Duyệt đăng (Accepted): 09/11/2023

**Title:** Diversity of useful plant resources  
in Nam Du island, Kien Giang province

**Author(s):** Tran Tu Trinh<sup>1</sup>, Ho Thi Phi  
Yen<sup>1</sup>, Dang Van Son<sup>2</sup>, Truong Ba  
Vuong<sup>2</sup>, Nguyen Thi Kim Thanh<sup>3</sup> and  
Dang Minh Quan<sup>4\*</sup>

**Affiliation(s):** <sup>1,4</sup>Can Tho University;  
<sup>2</sup>Vietnam Academy of Science and  
Technology; <sup>3</sup>Vietnam National  
University, Hanoi

### TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng đa dạng nguồn tài nguyên cây có ích ở đảo Nam Du, làm cơ sở khoa học cho việc khai thác, sử dụng, quản lý và bảo tồn nguồn tài nguyên thực vật ở đảo. Các phương pháp được sử dụng gồm PRA; điều tra thực địa; so sánh hình thái để phân loại và tra cứu các tài liệu chuyên ngành về cây có ích. Kết quả đã xác định được 562 loài thuộc 388 chi của 127 họ trong 5 ngành. Đa số các taxon tập trung trong ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) với tỉ lệ các taxon ở mỗi bậc họ, chi, loài đều chiếm trên 85%. Tất cả các loài được xếp vào 12 nhóm giá trị sử dụng, trong đó, đa dạng nhất là nhóm cây làm thuốc, làm cảnh và ăn được. Có 27 loài cây có tên trong "Sách đỏ Việt Nam" (2007) và Nghị định 84/2021/NĐ-CP. Các loài cây có ích thu được thuộc 8 dạng sống và phân bố trong 6 sinh cảnh, nhưng đa dạng nhất là sinh cảnh rừng tự nhiên trên núi đá và sinh cảnh vườn nhà.

**Từ khóa:** Cây có ích, dạng sống, đa dạng, đảo Nam Du tỉnh Kiên Giang, giá trị sử dụng, sinh cảnh

### ABSTRACT

This study was conducted to assess the diversity of useful plant resources on Nam Du Island which is a scientific basis for more effectively exploiting, using, managing, and conserving plant resources on this island. In this study, the PRA (Participatory Rural Appraisal), field investigation, morphological comparison, and classification, with the aid of specialized useful plant books were used. The results showed that a total of 562 species of plants belonging to 388 genera of 127 families in 5 divisions. Most taxa were concentrated in the Magnoliophyta with the proportion of taxa at each category of family, genus, and species accounting for over 85%. All species were classified into 12 use value groups, among them, the most diverse were medicinal, ornamental, and edible plants. Twenty-seven species were listed in the "Vietnam Red Book" (2007) and the Decree 84/2021/ND-CP. The useful plant species were divided into eight life forms and distributed in six biotopes, but species diversity was recorded in the natural forest on the rocky mountain and home garden biotopes.

**Keywords:** Biotope, diversity, life form, Nam Du island of Kien Giang province, useful plants, use value

## 1. GIỚI THIỆU

Thực vật giữ vai trò rất quan trọng trong đời sống của con người như cung cấp oxy, điều hòa không khí, làm giảm ô nhiễm khói bụi, chống lũ lụt, giữ đất,... Đặc biệt là các loài cây có ích ở các địa phương, chúng là những loài cây có giá trị sử dụng thiết thực, gắn với cuộc sống của con người ở đó (Chi & Hợp, 1999), chúng cung cấp nguồn thực phẩm, làm thuốc chữa bệnh, làm vật liệu xây dựng, vật liệu công nghiệp, làm thức ăn gia súc, làm cảnh,... Mặc dù thực vật có vai trò rất to lớn trong đời sống hàng ngày, nhưng việc nhận biết các loài cây và cách sử dụng chúng vào trong thực tế cuộc sống của người dân còn nhiều hạn chế. Do đó, việc nghiên cứu nhằm cung cấp các thông tin về nhận diện các loài cây có ích và giá trị sử dụng của chúng là rất cần thiết, nhằm cung cấp kiến thức cho người dân để sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thực vật tại địa phương.

Đảo Nam Du là một trong những đảo lớn, có diện tích 708,61 ha, thuộc huyện Kiên Hải tỉnh Kiên Giang, nằm trong vùng cận xích đạo, có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm và mưa nhiều cùng với địa hình chủ yếu là đồi và núi (Ủy ban Nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang, 2022), nên hệ thực vật ở đây rất đa dạng và phong phú, trong đó có nhiều loài cây hữu ích có giá trị kinh tế cao. Vì nằm cách xa đất liền (cách trung tâm thành phố Rạch Giá 90 km), điều kiện đi lại còn nhiều khó khăn, nên những nghiên cứu về nguồn tài nguyên thực vật tại đảo này rất hiếm, mới chỉ có nghiên cứu về cây làm thuốc (Quần và ctv., 2018) mà chưa có các nghiên cứu chuyên sâu về các nhóm cây có ích khác. Tri thức sử dụng tài nguyên thực vật của người dân sống trên đảo này chủ yếu là từ kinh nghiệm dân gian, kinh nghiệm gia đình mà chưa có sự cập nhật sâu rộng những nghiên cứu khoa học trong việc sử dụng thực vật, nên chỉ mới sử dụng một số loài, trong khi số lượng loài cây có giá trị sử dụng trong tự nhiên lại rất nhiều mà người dân chưa biết.

Mặt khác, hệ thực vật và hệ sinh thái rừng ở đảo Nam Du hiện nay đang chịu tác động rất lớn từ sự phát triển thiếu kiểm soát của các loại hình dịch vụ du lịch. Rừng ở nhiều nơi bị khai thác để xây nhà nghỉ, nhiều loài thực vật bị khai thác phục vụ nhu cầu của khách du lịch như làm rau ăn, làm đồ thủ công mỹ nghệ, làm thuốc, làm cảnh,... nhiều loài thực vật đang đứng trước nguy cơ bị tuyệt chủng, trong khi sự tái sinh của chúng trong tự nhiên lại rất chậm. Vì vậy, việc điều tra, đánh giá thực trạng đa dạng nguồn tài nguyên cây có ích hiện có ở đảo là rất

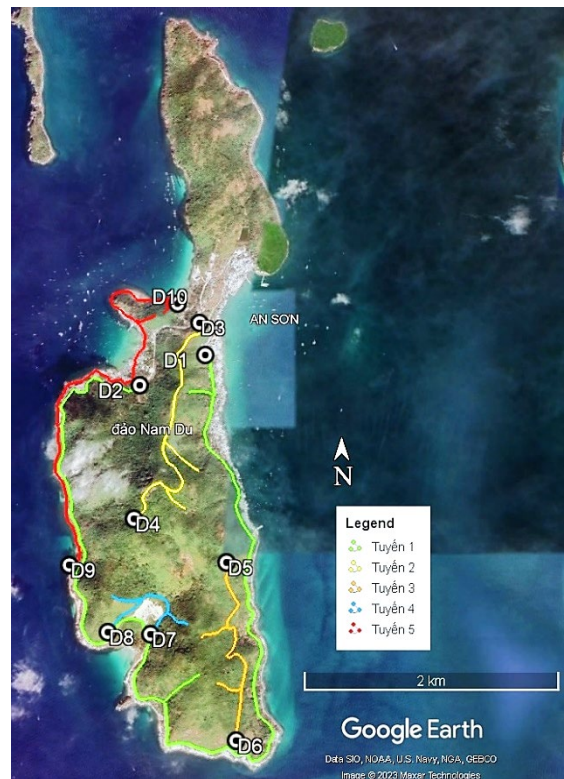
cần thiết, từ đó cung cấp thêm cho người dân những tri thức về việc sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thực.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Phương pháp điều tra cộng đồng

Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia của người dân – PRA (Cần & Nico, 2009) thông qua việc phỏng vấn người dân địa phương các nội dung liên quan đến việc nhận diện các loài thực vật trên đảo (tên loài, dạng sống, môi trường sống, phân bố,...) và tri thức bản địa trong việc sử dụng các loài thực vật này (các công dụng, bộ phận sử dụng, cách thức sử dụng,...).

### 2.2. Phương pháp điều tra thực địa



**Hình 1. Sơ đồ các tuyến thu mẫu ở đảo Nam Du**

Ghi chú: D1-D2: Tuyến 1 (Đường dân sinh quanh đảo), D3-D4: Tuyến 2 (Đường lên Hải đăng Nam Du), D5-D6: Tuyến 3 (Ven triền núi hướng Đông-Nam), D7-D8: Tuyến 4 (Rừng dừa khu vực bãi Cây Mén), D9-D10: Tuyến 5 (Ven biển áp Bãi Ngang)

Phương pháp nghiên cứu ngoài thực địa được áp dụng theo Thịn (2007). Dựa vào bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang (Ủy ban Nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang, 2022), Google Maps và từ sự quan sát thực tế, đã xác định được 5 tuyến cần điều tra thu mẫu qua 6 sinh cảnh đặc trưng ở đảo Nam Du (Hình 1).

Số lượng mẫu cây thu thập được trong quá trình điều tra là 1.422 mẫu (tiêu bản). Các mẫu này hiện được lưu giữ tại Phòng thí nghiệm thực vật, Bộ môn Sư phạm Sinh học, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ.

**2.3. Phân tích mẫu và xác định tên khoa học**

Dựa trên phương pháp so sánh hình thái, kết hợp tra cứu các tài liệu chuyên ngành về phân loại thực vật của Hộ (1999, 2000, 2003), Chi (2003, 2004), Nghĩa (2007, 2008, 2010, 2012, 2013, 2014, 2016). Chính lý tên loài và tên tác giả theo The World Flora Online (2023) (<https://www.worldfloraonline.org/>). Sắp xếp các taxon thực vật theo hệ thống phân loại của Takhtajan (2009).

**2.4. Xác định dạng sống của cây**

Dạng sống của các loài cây thu được ở đảo Nam Du được xác định dựa vào bộ “Danh lục Thực vật Việt Nam” của Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội (2001) và Bản (2003, 2005). Sự phân chia các nhóm dạng sống của các loài cây dựa theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Vụ Khoa học Công nghệ và Chất lượng sản phẩm (2000).

**2.5. Xác định giá trị sử dụng của cây**

Giá trị sử dụng của các loài cây thu thập ở đảo Nam Du được xác định dựa vào tri thức bản địa từ quá trình phỏng vấn người dân địa phương, kết hợp tra cứu các tài liệu chuyên ngành về thực vật hữu ích: cây làm thuốc (Lợi, 2015; Chi, 2018a,b), cây làm cảnh (Hợp, 2000, 2012, 2016), cây cho gỗ (Hợp, 2002), cây cho tinh dầu (Mỗi, 2001, 2002), cây ăn

được và các công dụng khác (Chi & Hợp, 1999, 2001; Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001; Bản, 2003, 2005; Văn, 2013), cây độc (Khánh & Hải, 2004).

**2.6. Đánh giá mức độ nguy cấp**

Đánh giá mức độ nguy cấp của các loài cây thu thập được theo “Sách đỏ Việt Nam, phần II – Thực vật” (Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007), Nghị định 84/2021/NĐ-CP của Chính phủ (2021).

**3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**3.1. Đa dạng các taxon thực vật**

Kết quả nghiên cứu thành phần loài cây có ích tại 5 tuyến qua 6 sinh cảnh đặc trưng ở đảo Nam Du, đã xác định được 562 loài thuộc 388 chi của 127 họ trong 5 ngành thực vật (Bảng 1). Sự phân bố của các taxon trong các ngành là không đồng đều, ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) đa dạng nhất với 528 loài chiếm 93,95% số loài, 361 chi chiếm 93,04% số chi, 109 họ chiếm 85,83% số họ. Bốn ngành còn lại đều có các taxon ở mỗi bậc chiếm tỉ lệ dưới 8,7%. Trong ngành Ngọc lan thì lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) chiếm ưu thế với 405 loài chiếm 76,56% số loài, 273 chi chiếm 75,62% số chi, 84 họ chiếm 77,06% số họ; lớp hành (Liliopsida) có các taxon ở mỗi bậc đều dưới 25%. Kết quả này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Quân và Sơn (2016) về hệ thực vật ở đảo Phú Quốc với các taxon trong ngành Ngọc lan chiếm tỉ lệ lần lượt là 94,23% số loài, 92,67% số chi, 85,71% số họ và tỉ lệ các taxon giữa lớp Ngọc lan và lớp Hành đều lớn hơn 3.

**Bảng 1. Sự phân bố của các taxon thực vật trong từng ngành ở đảo Nam Du**

Ngành, lớp	Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Rêu (Bryophyta)	1	0,79	1	0,26	1	0,18
Thông đất (Lycopodiophyta)	1	0,79	1	0,26	1	0,18
Dương xỉ (Polypodiophyta)	11	8,65	18	4,64	23	4,09
Thông (Pinophyta)	5	3,94	7	1,80	9	1,60
Ngọc lan (Magnoliophyta)	109	85,83	361	93,04	528	93,95
-Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida)	84	77,06	273	75,62	405	76,56
-Lớp Hành (Liliopsida)	25	22,94	88	24,38	123	23,44
<b>Tổng</b>	<b>127</b>	<b>100</b>	<b>388</b>	<b>100</b>	<b>562</b>	<b>100</b>

Về đa dạng loài ở bậc họ: Nghiên cứu đã thống kê được 45 họ chi có 1 loài, 22 họ có 2 loài, 37 họ có từ 3 đến 5 loài, 7 họ có từ 6 đến 8 loài, 6 họ có từ 10 đến 15 loài, 7 họ có từ 16 đến 20 loài, 3 họ có từ 24 đến 37 loài. Mười họ giàu loài nhất trong khu vực nghiên cứu là họ Đậu (Fabaceae) có 37 loài; họ Thầu

dầu (Euphorbiaceae) có 26 loài; họ Cà phê (Rubiaceae) có 24 loài; họ Dầu tằm (Moraaceae), họ Trúc đào (Apocynaceae) và họ Bông (Malvaceae) đều có 20 loài; họ Diệp hạ châu (Phyllanthaceae), họ Lan (Orchidaceae) và họ Hòa thảo (Poaceae) đều có 18 loài) và họ Cúc (Asteraceae) có 16 loài. Đây

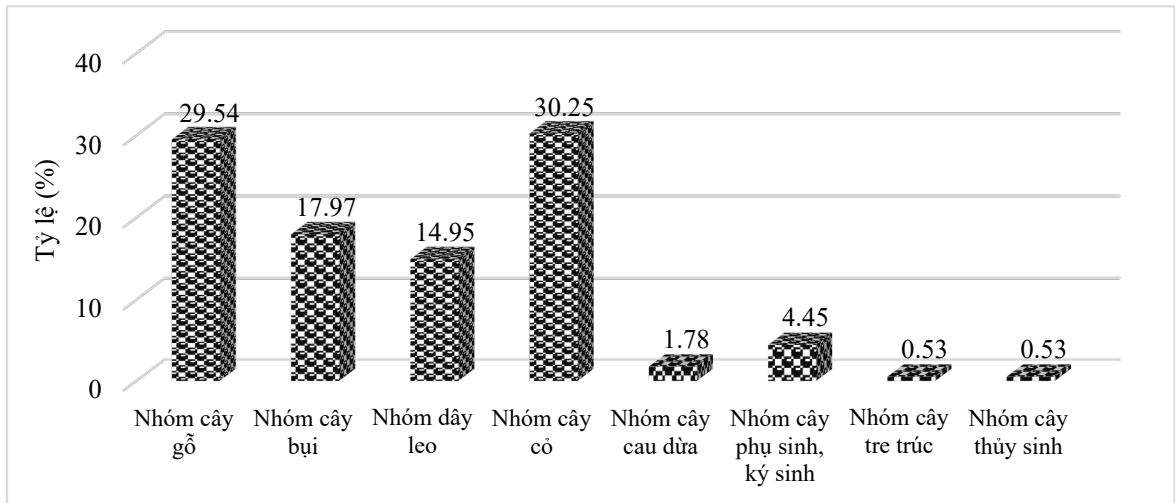
cũng là những họ có số lượng loài lớn trong hệ thực vật Việt Nam và có rất nhiều loài cây có giá trị sử dụng (Bân, 2003, 2005).

Về đa dạng loài ở bậc chi: Nghiên cứu đã thống kê được 290 chi chỉ có 1 loài, 63 chi có 2 loài, 31 chi có từ 3 đến 5 loài, 2 chi có 8 loài, 1 chi có 9 loài và 1 chi có 14 loài. Các chi giàu loài nhất trong hệ thực vật có ích đảo Nam Du là *Ficus* (Sung) có tới 14 loài, *Ipomoea* (Khoai lang) có 9 loài, *Euphorbia* (Thầu dầu) và *Ixora* (Trang) đều có 8 loài. Hầu hết các loài thuộc các chi này có công dụng làm thuốc phổ biến như Sung (*Ficus racemosa*), Trâu cổ

(*Ficus pumila*), Tầm sét (*Ipomoea digitata*), Cỏ sữa lá lớn (*Euphorbia hirta*),... hoặc làm cảnh như Sanh (*Ficus benjamina*), Gừa (*Ficus microcarpa*), Tóc tiên (*Ipomoea quamoclit*), Xương rồng bát tiên (*Euphorbia milii*), Trang đỏ (*Ixora chinensis*), Trang vàng (*Ixora stricta*),... hoặc làm rau ăn như Rau muống (*Ipomoea aquatic*), Khoai lang (*Ipomoea batatas*),...

### 3.2. Đa dạng về dạng sống

Các loài cây có ích thu thập ở đảo Nam Du được xếp vào 8 nhóm dạng sống (Hình 2).



Hình 2. Tỷ lệ các nhóm dạng sống của các loài cây có ích ở đảo Nam Du

Hình 2 cho thấy, nhóm cây thân cỏ có số lượng loài đa dạng nhất với 172 loài chiếm 30,39% số loài, tập trung chủ yếu ở họ: Rau dền (Amaranthaceae), Cúc (Asteraceae), Bạc hà (Lamiaceae), Ráy (Araceae), Măng tây (Asparagaceae), Thài lài (Commelinaceae), Hòa thảo (Poaceae) và Gừng (Zingiberaceae) với các loài chủ yếu là mọc hoang có công dụng làm thuốc như Cỏ xước (*Achyranthes aspera*), Cỏ cứt heo (*Ageratum conyzoides*), Xích đồng nam (*Clerodendrum japonicum*), Khoai nưa (*Amorphophallus konjac*), Bông bông (*Dracaena angustifolia*), Cỏ màn trâu (*Eleusine indica*), Gừng gió (*Zingiber zerumbet*),... hoặc làm rau ăn như Dền cơm (*Amaranthus lividus*), Cải trời (*Blumea lacera*), Môn nước (*Colocasia esculenta*), Trai thường (*Trai thường*), Cát lồi (*Hellenia speciosa*),... hoặc làm thức ăn gia súc như Rau má tia (*Emilia sonchifolia*), Cỏ đuôi voi (*Cenchrus purpureus*), Cỏ gà (*Cynodon dactylon*),...

Nhóm cây gỗ (gồm gỗ lớn, gỗ trung và gỗ nhỏ) có đến 166 loài chiếm 29,54% số loài, tập trung chủ yếu ở các họ: Xoài (Anacardiaceae), Bằng

(Combretaceae), Đậu (Fabaceae), Lộc vừng (Lecythidaceae), Bằng lăng (Lythraceae), Dâu tằm (Moraceae), Sim (Myrtaceae), Diệp hạ châu (Phyllanthaceae) với hầu hết là các loài mọc tự nhiên trong rừng được người dân địa phương khai thác lấy gỗ như Sơn tiên (*Melanorrhoea laccifera*), Trâm bầu (*Combretum quadrangulare*), Sưa (*Dalbergia tonkinensis*), Hoàng Linh (*Peltophorum dasyrrhachis*), Bằng lăng ổi (*Lagerstroemia calyculata*), Sắn thuyền (*Syzygium polyanthum*), Cọc rào nhọn hoắt (*Cleistanthus sumatranus*),... hoặc làm cảnh như Lộc vừng (*Barringtonia acutangula*), Bằng vuông (*Barringtonia asiatica*), Bằng lăng (*Lagerstroemia speciosa*),... hoặc một số loài trồng để lấy trái ăn như Thanh trà (*Bouea oppositifolia*), Xoài (*Mangifera indica*), Ô môi (*Cassia grandis*), Dâu tằm (*Morus alba*), Ổi (*Psidium guajava*), Giâu gia đất (*Baccaurea ramiflora*).

Nhóm cây bụi có 101 loài chiếm 17,97% số loài, chủ yếu ở các họ: Trúc đào (Apocynaceae), Nhân sâm (Araliaceae), Thầu dầu (Euphorbiaceae), Bông (Malvaceae), Mua (Melastomataceae) và Cà phê

(Rubiaceae) với các loài vừa làm cảnh vừa làm thuốc phổ biến như Bánh hời (*Tabernaemontana divaricata*), Đinh lăng (*Polyscias fruticosa*), Cỏ tông (*Codiaeum variegatum*), Đơn đỏ (*Excoecaria cochinchinensis*), Đỗ trọng nam (*Jatropha multifida*), Bụp (*Hibiscus rosa-sinensis*), Phù dung (*Hibiscus mutabilis*), Mua thường (*Melastoma malabathricum* subsp. *normale*), các loài thuộc chi Trang (*Ixora*).

Nhóm dây leo có 84 loài chiếm 14,95% số loài, chủ yếu ở các họ: Trúc đào (Apocynaceae), Khoai lang (Convolvulaceae), Bầu bí (Cucurbitaceae), Đậu (Fabaceae), Tiết dê (Menispermaceae), Nho (Vitaceae), Ráy (Araceae), Củ Nâu (Dioscoreaceae) và Khúc khúc (Smilacaceae). Hầu hết các loài thuộc nhóm này là các cây mọc hoang ven đường và trong rừng có công dụng chủ yếu là làm thuốc phổ biến như Hà thủ ô nam (*Streptocaulon juvenas*), Đâu đài ấn (*Vincetoxicum indicum*), Hắc sứ (*Ipomoea nil*), Khổ qua rừng (*Momordica charantia*), Bầm bầm (*Entada phaseoloides*), Móng bò hậu giang (*Bauhinia bassacensis*), Cườm thảo (*Abrus precatorius*), Dây môi (*Stephania hernandiifolia*), Dây cóc (*Tinospora crispa*), Dây vác (*Causonis trifolia*), Ráy leo (*Pothos scandens*), Dây bá (*Scindapsus officinalis*), Khoai rạng (*Dioscorea glabra*), Kim cang (*Smilax* spp.).

Nhóm cây phụ sinh, kí sinh có 25 loài chiếm 4,45% số loài, chủ yếu là các loài có công dụng làm cảnh thuộc họ Lan (Orchidaceae) và các loài thuộc ngành Dương xỉ.

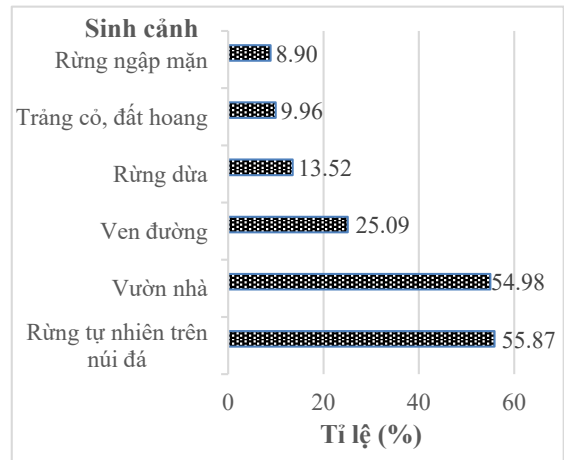
Các nhóm dạng sống còn lại có số lượng loài ít hơn hẳn, chiếm tổng cộng chưa đến 3% số loài.

**3.3. Đa dạng về sự phân bố của các loài theo sinh cảnh**

Kết quả nghiên cứu thực địa cho thấy, các loài cây ở đảo Nam Du phân bố trong 6 sinh cảnh. Trong đó, một loài có thể sống ở nhiều sinh cảnh khác nhau, tỉ lệ phân bố các loài theo sinh cảnh được thể hiện ở Hình 3.

Hình 3 cho thấy, sinh cảnh rừng tự nhiên trên núi đá có số lượng loài cây có ích nhiều nhất, tới 314 loài chiếm 55,87% số loài. Do đảo Nam Du có gần 80% diện tích là rừng (Ủy ban Nhân dân huyện Kiên Hải, 2022) và kiểu rừng tự nhiên trên núi đá chiếm ưu thế ở đảo nên có thành phần loài thực vật rất đa dạng, hiện diện đầy đủ cả 5 ngành thực vật: từ Rêu than (*Funaria hygrometrica*); Thông đất (*Lycopodiella cernua*); các loài thuộc ngành Dương xỉ phổ biến như Tô điều thật (*Asplenium nidus*), Dây chọi (*Stenochlaena palustris*), Ráng tây son

(*Dicranopteris linearis*), Bồng bong leo (*Lygodium scandens*); các loài thuộc ngành Thông như Tuế lược (*Cycas pectinata*), Dây mẫu (*Gnetum montanum*)... đến ngành Ngọc lan phổ biến với các loài như Quèo (*Mangifera reba*), Trung quân lợp nhà (*Ancistrocladus tectorius*), Giềng đỏ (*Xylopiavielana*), Cầm cù (*Hoya carnososa*), Chân chim bầu dục (*Schefflera elliptica*), Núc nác (*Oroxylum indicum*), Mù u (*Calophyllum inophyllum*), Sao đen (*Hopea odorata*), Thị núi (*Diospyros montana*), Da tây (*Sapium baccatum*), Sồng rần (*Albizia myriophylla*), Thành ngành nam (*Cratoxylum cochinchinensis*), Sâm lam (*Memecylon caeruleum*), Sung kiêu (*Ficus superba*), Vối rừng (*Syzygium cuminii*), Lâu đỏ (*Psychotria asiatica*), Ba chạc (*Acronychia pedunculata*), Riềng rừng (*Alpinia conchigera*),...



**Hình 3. Tỉ lệ phân bố các loài cây có ích theo các sinh cảnh ở đảo Nam Du**

Ghi chú: Một loài có phân bố trong nhiều sinh cảnh khác nhau.

Tiếp theo là sinh cảnh vườn nhà, thành phần loài cũng rất đa dạng với 309 loài chiếm 54,98% số loài. Do trong sinh cảnh này, ngoài những cây cỏ mọc hoang có công dụng làm thuốc, làm rau ăn như Rau dệu (*Alternanthera sessilis*), Cải trời (*Blumea lacera*), Nhân lồng (*Passiflora foetida*), Rau càng cua (*Peperomia pellucida*), Lốt (*Piper sarmentosum*), Rau sam (*Portulaca oleracea*)... người dân địa phương còn sưu tầm, gây trồng quanh nhà nhiều loài cây làm cảnh như Ráng liên sơn grom (*Lindsaea ensifolia*), Dừa cạn (*Catharanthus roseus*), Đại hoa đỏ (*Plumeria rubra*), Huỳnh liên (*Tecoma stans*), Tai tượng đuôi chồn (*Acalypha hispida*), Bằng lăng nhiều hoa (*Lagerstroemia floribunda*), các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae)... cây ăn trái như Mãng cầu xiêm (*Annona muricata*),

Thanh long (*Selenicereus undatus*), Đu đủ (*Carica papaya*),... cây làm rau ăn như Rau má (*Centella asiatica*), Thiên lý (*Telosma cordata*), Mướp (*Luffa cylindrica*), Húng lũi (*Mentha aquatica*), Đậu rồng (*Psophocarpus tetragonolobus*),... cây làm thuốc như Tắc kè đá lá sồi (*Drynaria quercifolia*), Mật gấu (*Gymnanthemum amygdalinum*), An xoa (*Helicteres hirsuta*), Gừng (*Zingiber officinale*),...

Sinh cảnh ven đường 141 loài chiếm 25,09% số loài, chủ yếu là các loài cây thân cỏ, cây bụi, dây leo thân cỏ, ưa sáng và mọc hai bên đường phổ biến như Đại bi (*Blumea balsamifera*), Cỏ lào (*Chromolaena odorata*), Thu thảo (*Tridax procumbens*), Vòi voi (*Heliotropium indicum*), Mần mần tím (*Cleome chelidonii*), Cỏ sữa đất (*Euphorbia thymifolia*), Đuôi chuột (*Stachytarpheta jamaicensis*), Cỏ chân vịt (*Dactyloctenium aegyptium*), Cỏ mần trâu (*Eleusine indica*), Lục lóng (*Chloris barbata*), Sậy núi (*Phragmites karka*), Bông bong leo (*Lygodium scandens*), Bìm nấp (*Operculina turpethum*), Cúc quạ (*Trichosanthes costata*), Đậu lam lông (*Calopogonium mucunoides*), Đậu cộ (*Canavalia lineata*), Đậu triều (*Cajanus cajan*), Trinh nữ (*Mimosa pudica*), Bình linh (*Leucaena leucocephala*), Muồng trâu (*Senna alata*), Bồ cu vễ (*Breynia fruticosa*), Phèn đen (*Phyllanthus reticulatus*), Bái nhọn (*Sida acuta*), Trứng cá (*Muntingia calabura*).

Sinh cảnh rừng dừa có 76 loài chiếm 13,53% số loài. Ngoài cây Dừa (*Cocos nucifera*) chiếm ưu thế về số lượng cá thể, các loài còn lại chủ yếu là các loài cỏ, dây leo ưa bóng và một số loài dương xỉ, điển hình như Ráng tai chuột thường (*Pyrrosia lanceolata*), Bông bong lá liễu (*Lygodium salicifolium*), Biển hoa sông hằng (*Asystasia gangetica*), Cỏ cứt heo (*Ageratum conyzoides*), Đậu rựa (*Canavalia ensiformis*), Ké hoa đào (*Urena lobata*), Dây mối (*Stephania hernandiifolia*), Cưng lảng (*Scleria levis*), Cỏ lá tre (*Lophatherum gracile*),...

Sinh cảnh trảng cỏ, đất hoang có 56 loài, chiếm 9,96% số loài, chủ yếu là các loài cây thân cỏ hoặc dây leo mọc hoang phổ biến như Rau dớn (*Diplazium crassiusculum*), Ráng móng trâu tím (*Nephrolepis cordifolia*), Dền com (*Amaranthus lividus*), Xuyên chi (*Bidens pilosa*), Nút áo tím (*Cyanthillium cinereum* var. *cinereum*), Bìm tím (*Ipomoea indica*), Dây cóc kèn (*Derris trifoliata*), É lớn đầu (*Hyptis rhomboidea*),...

Sinh cảnh rừng ngập mặn có số lượng loài ít nhất, chỉ có 50 loài chiếm 8,90% số loài, chủ yếu là các cây sống ngập mặn ven biển và các loài sống

ven bờ biển điển hình như Đước đôi (*Rhizophora apiculata*), Đước nhọn (*Rhizophora mucronata*), Vẹt dù (*Bruguiera gymnorrhiza*), Dà vôi (*Ceriops tagal*), Cui biển (*Heritiera littoralis*), Cọc đỏ (*Lumnitzera littorea*), Cọc trắng (*Lumnitzera racemosa*), Ngọc nữ biển (*Volkameria inermis*), Muồng biển (*Ipomoea pes-caprae*), Sam biển (*Sesuvium portulacastrum*), Dừa đại (*Pandanus odorifer*), Cói bàng (*Lepironia articulata*),...

### 3.4. Đa dạng về giá trị sử dụng

Từ kết quả phỏng vấn 58 hộ dân sống ở đảo Nam Du, kết hợp với điều tra thực địa và tra cứu các tài liệu chuyên ngành về tài nguyên thực vật Việt Nam, nghiên cứu đã xác định được giá trị sử dụng của 562 loài cây. Trong đó, một loài có thể có một hoặc nhiều công dụng, chi tiết được trình bày ở Bảng 2.

**Bảng 2. Giá trị sử dụng của các loài cây thu được ở đảo Nam Du**

Giá trị sử dụng	Số loài <sup>(*)</sup>	Tỉ lệ (%) <sup>(1)</sup>
Cây làm thuốc	514	91,46
Cây làm cảnh	194	34,52
Cây ăn được	180	32,03
Cây lấy gỗ	76	13,52
Cây cho tinh dầu	54	9,61
Cây làm thức ăn gia súc	42	7,47
Cây độc	25	4,45
Cây lấy sợi	24	4,27
Cây làm đồ thủ công mỹ nghệ	19	3,38
Cây cho nhựa	18	3,20
Cây cho dầu béo	8	1,42
Cây có giá trị sử dụng khác	61	10,85

Ghi chú: <sup>(\*)</sup> Một loài có thể có một hoặc nhiều giá trị sử dụng; <sup>(1)</sup> Tỉ lệ số loài của nhóm cây có giá trị sử dụng so với tổng số loài cây được khảo sát.

#### 3.4.1. Cây làm thuốc

Bảng 2 cho thấy, nhóm cây làm thuốc có số lượng loài nhiều nhất với 514 loài chiếm tới 91,46% số loài khảo sát được. So với nghiên cứu của Quân và ctv., (2018) thì nghiên cứu này đã bổ sung thêm được 71 loài cây làm thuốc. Trong đó, có 16 loài cây có tên trong danh mục 100 loài dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao để tập trung phát triển giai đoạn 2020 – 2030 được ban hành theo Quyết định số 3657/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế (Bộ Y tế, 2019). Từ việc phỏng vấn các lương y ở các nhà thuốc nam, những người đi hái thuốc nam, các hộ trồng và sử dụng thuốc nam ở đảo Nam Du, kết hợp với tra cứu các tài liệu chuyên ngành về cây thuốc của Lợi (2015) và Chi (2018), nghiên cứu đã thống kê được số lượng và tỉ lệ các bộ phận dùng làm thuốc của cây và các nhóm bệnh mà có thể dùng các loài

cây thu được ở đảo Nam Du để chữa trị, cụ thể như sau:

**Về bộ phận dùng làm thuốc:** Nghiên cứu đã xác định được, có 10 bộ phận của các loài cây được dùng làm thuốc. Trong đó, bộ phận dùng là lá được sử dụng làm thuốc nhiều nhất, với 254 loài chiếm 45,20% số loài. Do việc sử dụng lá làm thuốc ít ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây, thu được nhiều và có thể thu quanh năm, dễ chế biến hơn các bộ phận khác. Lá được dùng làm rau ăn hàng ngày như Rau má (*Centella asiatica*), Mảnh bát (*Coccinia grandis*), Tần dày lá (*Plectranthus amboinicus*), Bồ ngót (*Breynia androgyna*),... hoặc dùng kết hợp lá của nhiều loài cây khác để nấu nước xông như Bạch đàn (*Eucalyptus camaldulensis*), Ôi (*Psidium guajava*), Sả chanh (*Cymbopogon citratus*)... Bộ phận dùng là rễ có 192 loài chiếm 34,16% số loài, phổ biến là các loài như Đinh lăng (*Polyscias fruticosa*), Hà thủ ô nam (*Streptocaulon juventas*), Đỗ trọng nam (*Jatropha multifida*), Gỏi hạc tía (*Leea rubra*), Đại bi (*Blumea balsamifera*)... thường được dùng để sắc uống tươi hoặc phơi khô, để chữa các bệnh như đau xương, đau lưng, làm thuốc bổ hoặc được ngâm rượu để xoa bóp. Sử dụng toàn cây có 125 loài chiếm 22,24% số loài, hầu hết là các loài cây thân cỏ, dây leo hoặc thân bụi nhỏ, dùng chủ yếu là băm nhỏ cây ra rồi sắc uống như Cối xay (*Abutilon indicum*), Nhân lồng (*Passiflora foetida*), Tâm bóp (*Physalis angulata*), Dừa cạn (*Catharanthus roseus*),... hoặc giã nát để đắp, băng bó vết thương. Các bộ phận còn lại của cây được sử dụng ít hơn, vì khi thu hoạch có thể ảnh hưởng đến cây (như thu ngọn, củ, vỏ, nhựa cây) hoặc chỉ thu được theo mùa (như thu hoa, quả, hạt).

**Về công dụng chữa bệnh của các loài cây:** Nghiên cứu đã thống kê được 36 nhóm bệnh có thể dùng các loài cây hiện có ở đảo Nam Du để chữa trị. Trong đó, có đến 14 nhóm bệnh có số lượng loài chữa trị trên 100 loài. Năm nhóm bệnh có số loài cây chữa trị nhiều nhất, từ 170 loài trở lên là nhóm bệnh ngoài da (mụn, nhọt, ghê lở, vết thương, hắc lào, vẩy nến...) có 294 loài, chiếm 52,31% số loài; nhóm bệnh về đường tiêu hóa (tả, lỵ, đau bụng, táo bón, không tiêu...) có 274 loài chiếm 48,75% số loài; nhóm bệnh về đường hô hấp (ho, viêm phổi...) có 198 loài chiếm 35,23% số loài; nhóm bệnh về xương khớp (đau nhức, tê thấp, viêm...) có 188 loài chiếm 33,45% số loài và nhóm bệnh do thời tiết (cảm cúm, đau đầu, sổ mũi, sốt...) có 170 loài, chiếm 30,25% số loài.

### 3.4.2. Cây làm cảnh

Nhóm cây làm cảnh rất đa dạng với 194 loài chiếm 34,52% số loài. Từ kết quả điều tra thực tế về việc trồng và sử dụng cây làm cảnh của các hộ dân sống trên đảo Nam Du, kết hợp tham khảo cách phân chia cây cảnh theo mục đích sử dụng của Hợp (2000), nghiên cứu đã thống kê được các loài cây làm cảnh ở đảo Nam Du theo các mục đích sử dụng được trình bày trong Bảng 3.

**Bảng 3. Đa dạng các loài cây làm cảnh ở đảo Nam Du theo mục đích sử dụng**

Tên nhóm	Số loài	Tỷ lệ %
Nhóm cây làm cảnh bằng hoa	89	15,84
Nhóm cây làm cảnh bằng lá	50	8,90
Nhóm cây làm cảnh bằng thân	23	4,09
Nhóm cây leo, cây hàng rào	19	3,38
Nhóm cây làm cảnh bằng quả	10	1,78
Nhóm cây làm cảnh ở nước	3	0,53
<b>Tổng</b>	<b>194</b>	<b>34,52</b>

Bảng 3 cho thấy, nhóm cây làm cảnh bằng hoa có số lượng loài nhiều nhất với 89 loài chiếm 15,84% số loài. Tiếp theo là nhóm cây làm cảnh bằng lá có 50 loài chiếm 8,9% số loài, nhóm cây làm cảnh bằng thân có 23 loài chiếm 4,09% số loài. Các nhóm còn lại mỗi nhóm đều chiếm tỉ lệ dưới 3,5%.

Ngoài những loài cây cảnh được trồng phổ biến như Dừa cạn (*Catharanthus roseus*), các loài Trang (*Ixora*), Mai vàng (*Ochna integerrima*), Đại lá tù (*Plumeria obtusa*), Huỳnh liên (*Tecoma stans*) và một số loài thuộc họ Lan (Orchidaceae), người dân địa phương còn khai thác một số loài có hoa đẹp hoặc dáng đẹp, lạ từ rừng về trồng làm cảnh như Tắc kè đá lá sồi (*Drynaria quercifolia*), Tuế lược (*Cycas pectinata*), Bằng lăng nhiều hoa (*Lagerstroemia floribunda*), Lộc vừng (*Barringtonia acutangula*), Chân chim bầu dục (*Schefflera elliptica*), đặc biệt là một số loài lan rừng như A cam cứng (*Acampe praemorsa* var. *longepedunculata*), Bạch cầu (*Dendrobium crumenatum*), Lan kiếm (*Cymbidium finlaysonianum*)...

### 3.4.3. Nhóm cây ăn được

Nhóm cây ăn được có 180 loài chiếm 32,03% số loài. Chủ yếu là các loài lấy lá, trái, đọt non để làm rau ăn như Choại (*Stenochlaena palustris*), Rau má (*Centella asiatica*), Rau muống (*Ipomoea aquatic*), Lạc tiên (*Passiflora foetida*), Khô qua rừng (*Momordica charantia*), Chùm ngây (*Moringa oleifera*), Nam sâm bò (*Boerhavia diffusa*), Rau càng cua (*Peperomia pellucida*),... hoặc lấy trái ăn như Xoài (*Mangifera indica*), Cóc (*Spondias*

*dulcis*), Mãng cầu ta (*Annona squamosa*), Ôi (*Psidium guajava*)...

3.4.4. Nhóm cây lấy gỗ

Nhóm cây lấy gỗ có 76 loài chiếm tỉ lệ 13,52% số loài. Dựa vào Bảng phân loại tạm thời các loài gỗ sử dụng trong cả nước theo Quyết định số 2198-CNR (Bộ Lâm nghiệp, 1977) và điều chỉnh việc xếp hạng một số loại gỗ sử dụng trong bảng phân loại 8 nhóm theo Quyết định số 334-CNR (Bộ Lâm nghiệp, 1988) cùng với mô tả các nhóm gỗ theo Hợp (2022), các loài cây lấy gỗ ở đảo Nam Du được xếp vào 8 nhóm, chi tiết được thể hiện trong Bảng 4.

**Bảng 4. Số lượng và tỉ lệ các nhóm cây lấy gỗ ở đảo Nam Du**

Tên nhóm gỗ	Số loài	Tỷ lệ %
Nhóm I (Gỗ quý, có vân đẹp, màu sắc óng ánh, bền, có hương thơm)	4	0,71
Nhóm II (Gỗ nặng, cứng bao gồm các loại tỉ trọng lớn, sức chịu lực cao)	1	0,18
Nhóm III (Gỗ nặng nhưng mềm hơn, sức bền cao, độ dẻo dai lớn, sức chịu lực cao)	2	0,36
Nhóm IV (Gỗ có màu tự nhiên, thớ mịn, tương đối bền, dễ gia công chế biến)	3	0,53
Nhóm V (Gỗ trung bình, có tỉ trọng trung bình, dùng rộng rãi trong xây dựng, đóng đồ đạc)	7	1,25
Nhóm VI (Gỗ nhẹ, sức chịu đựng kém, dễ bị mối mọt, dễ chế biến)	13	2,31
Nhóm VII (Gỗ nhẹ, sức chịu lực kém, sức chống mối mọt thấp)	25	4,45
Nhóm VIII (Gỗ rất nhẹ, sức chịu lực rất thấp, khả năng bị mối mọt cao)	21	3,74
<b>Tổng</b>	<b>76</b>	<b>13,52</b>

Bảng 4 cho thấy, tài nguyên cây gỗ ở đảo Nam Du có đủ 8 nhóm. Trong đó, phần lớn là các loài cây gỗ thuộc nhóm VI, VII và VIII với tổng số 59 loài chiếm tới 77,63% số loài cây gỗ khảo sát được, đây là các loài cây cho gỗ nhẹ, sức chịu đựng kém, dễ bị mối mọt, cong vênh (Hợp, 2002). Nhóm cây cho gỗ tốt gồm 4 loài thuộc nhóm I (nhóm gỗ quý hiếm, màu đẹp, vân đẹp, vân nhiều, có hương thơm) là Bằng lăng ôi (*Lagerstroemia calyculata*), Sưa (*Dalbergia tonkinensis*), Sơn tiên (*Melanorrhoea laccifera*) và Trâm hương (*Aquilaria crassna*); 1 loài thuộc nhóm II (Nhóm thân gỗ to, gỗ nặng, cứng, độ bền cao) là Sao đen (*Hopea odorata*); 2 loài thuộc nhóm 3

(Nhóm gỗ nặng nhưng mềm hơn, độ bền cao, độ dẻo dai lớn, sức chịu lực cao) là Bằng lăng nước (*Lagerstroemia speciosa*) và Bình linh (*Vitex pinnata*). Các loài cây gỗ này chủ yếu phân bố trong các sinh cảnh rừng tự nhiên, một số loài được gây trồng lấy gỗ hoặc vừa lấy gỗ vừa làm cảnh.

3.4.5. Nhóm cây có giá trị sử dụng khác

Nhóm cây có giá trị sử dụng khác có 61 loài chiếm 10,85% số loài. Các loài thuộc nhóm này thường được người dân sử dụng vào mục đích chắn gió, giữ đất, chống xói mòn, làm phân xanh, cải tạo đất, xua đuổi học tiêu diệt côn trùng... như Bình bát nước (*Annona glabra*), Đước đôi (*Rhizophora apiculata*), Vẹt dù (*Bruguiera gymnorhiza*), Phong ba (*Heliotropium arboreum*), Trâm bầu (*Combretum quadrangulare*), Dương (*Casuarina equisetifolia*), Đậu ma (*Pueraria phaseoloides*), Diên điển (*Sesbania sesban*), Keo giậu (*Leucaena leucocephala*), Sả (*Cymbopogon citratus*)...

3.4.6. Nhóm cây cho tinh dầu

Nhóm cây cho tinh dầu dùng trong công nghiệp, dược phẩm, mỹ phẩm, xua đuổi côn trùng... có 54 loài chiếm 9,61% số loài, điển hình phổ biến như Tràm (*Melaleuca leucadendra*), Mù u (*Calophyllum inophyllum*), Tần dày lá (*Plectranthus amboinicus*), Dừa (*Cocos nucifera*), Sả (*Cymbopogon citratus*)...

3.4.7. Nhóm cây làm thức ăn gia súc

Nhóm cây làm thức ăn gia súc có 42 loài, chiếm 7,47% số loài. Các loài cây này có thể có một bộ phận hoặc toàn cây dùng làm thức ăn cho gia súc. Khảo sát tại đảo Nam Du cho thấy, người dân trên đảo thường xuyên sử dụng một số loài cây mọc hoang hoặc gây trồng để làm thức ăn trong chăn nuôi (bò, heo, gà, cá...) điển hình như Rau muống (*Ipomoea aquatica*), Rau lang (*Ipomoea batatas*), Khoai mì (*Manihot esculenta*), Môn nước (*Colocasia esculenta*), Bèo cái (*Pistia stratiotes*), Rau trai (*Commelina communis*)...

Các nhóm giá trị sử dụng còn lại có số loài ít hơn hẳn, không có nhóm nào chiếm tới 5%.

3.5. Đa dạng thành phần loài cây quý hiếm

Kết quả khảo sát hệ thực vật có ích ở đảo Nam Du đã xác định được 27 loài cây quý hiếm, chiếm tỉ lệ 4,8% số loài cây có ích khảo sát được. Trong đó, 8 loài có tên trong “Sách đỏ Việt Nam – phần II: Thực vật” (2007) gồm 3 loài ở cấp EN (nguy cấp) và 5 loài ở cấp VU (sẽ nguy cấp); 21 loài có tên trong Nghị định 84/2021/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ và đều nằm trong nhóm IIA (Loài hạn chế khai thác và



sử dụng vì mục đích thương mại), chủ yếu là các loài lan rừng thuộc họ Lan (Orchidaceae); 2 loài có tên

trong cả “Sách đỏ Việt Nam – phần II: Thực vật” (2007) và Nghị định 84/2021/NĐ-CP.



Trầm hương (*Aquilaria crassna*) Phiếm đờn hai thùy (*Dendrobium bilobulatum*) Ô kiến (*Hydnophytum formicarum*)



Sưa (*Dalbergia tonkinensis*)



Sơn tiên (*Melanorrhœa laccifera*)



Bình vôi (*Stephania rotunda*)



Hà thủ ô đỏ (*Reynoutria multiflora*)

#### Hình 4. Một số loài cây quý, hiếm ở đảo Nam Du

Ba loài ở cấp EN là Trầm hương (*Aquilaria crassna*), Phiếm đờn hai thùy (*Dendrobium bilobulatum*) và Ô kiến (*Hydnophytum*

*formicarum*). Trong quá trình điều tra thực địa nhận thấy, có 2 loài này đều mọc tự nhiên trong rừng với số lượng cá thể ghi nhận được khá ít và thường bị người dân địa phương khai thác để lấy gỗ (Trầm

huong) hoặc làm thuốc (Ổ kiến). Loài còn lại là lan Phiêm đôn hai thùy được ghi nhận mọc tự nhiên trong rừng và có cả trong vườn nhà do người dân thu hái về làm cảnh vì dáng lạ, nhưng số cá thể cũng còn khá ít. Do đó, cần phải có những nghiên cứu để nhân giống, bảo tồn 3 loài này ở đảo Nam Du.

Trong số các loài ở cấp VU và các loài có tên trong Phụ lục IIA, có 4 loài cây có giá trị kinh tế cao, được nhiều người tìm kiếm, khai thác trái phép gồm 2 loài cây cho gỗ quý là Sura (*Dalbergia tonkinensis*), Sơn tiên (*Melanorrhoea laccifera*) và 2 loài cây thuốc quý là Bình vôi (*Stephania rotunda*) và Hà thủ ô đở (*Reynoutria multiflora*). Vì vậy, chính quyền địa phương cần có giải pháp bảo vệ, bảo tồn các loài này ở đảo Nam Du trước thực trạng rừng bị khai thác ngày càng nghiêm trọng.

## 4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 4.1. Kết luận

Nguồn tài nguyên cây có ích ở đảo Nam Du rất đa dạng với 562 loài thuộc 388 chi của 127 họ trong 5 ngành thực vật, trong đó, có 27 loài cây quý hiếm có tên trong “Sách đỏ Việt Nam – phần II: Thực vật”

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bân, N. T. (2003). *Danh lục các loài thực vật Việt Nam - tập 2*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.

Bân, N. T. (2005). *Danh lục các loài thực vật Việt Nam - tập 3*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Vụ Khoa học Công nghệ và Chất lượng sản phẩm. (2000). *Tên cây rừng Việt Nam*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.

Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam. (2007). *Sách đỏ Việt Nam – phần II: Thực vật*. Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.

Bộ Lâm nghiệp. (1977). *Quyết định ban hành bản phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước* (Số 2198-CNR).

Bộ Lâm nghiệp. (1988). *Quyết định điều chỉnh việc xếp hạng một số loại gỗ sử dụng trong bảng phân loại 8 nhóm* (Số 334-CNR).

Bộ Y tế. (2019). *Quyết định về việc ban hành danh mục 100 dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao để tập trung phát triển giai đoạn 2020-2030* (Số 3657/QĐ-BYT).

Cần, N. D. & Nico, V. (2009). *PRA - Đánh giá nông thôn với sự tham gia của người dân*. NXB Nông nghiệp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi, V. V. (2003). *Từ điển thực vật thông dụng - tập 1*. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

(2007) và Nghị định 84/2021/NĐ-CP. Tất cả các loài đều có một đến nhiều giá trị sử dụng, nhưng có ba nhóm giá trị sử dụng là làm thuốc, làm cảnh và ăn được (làm rau, lấy trái ăn) có số lượng loài cây chiếm ưu thế so với các giá trị sử dụng khác. Dạng sống của các loài cây có ích ở đảo Nam Du cũng rất đa dạng nhưng nhiều nhất vẫn là nhóm cây cỏ, cây gỗ, cây bụi và dây leo. Chúng phân bố trong 6 sinh cảnh đặc trưng của đảo nhưng đa dạng nhất là sinh cảnh rừng tự nhiên trên núi đá và sinh cảnh vườn nhà.

### 4.2. Kiến nghị

Từ kết quả điều tra thực địa cho thấy, các loài cây gỗ quý thuộc nhóm I và một số loài cây thuốc quý, có giá trị kinh tế cao như Hà thủ ô đở (*Reynoutria multiflora*), Ổ kiến (*Hydnophytum formicarum*), Bá bệnh (*Eurycoma longifolia*), Bình vôi (*Stephania rotunda*) hiện đang được nhiều người dân khai thác để sử dụng và bán cho khách du lịch. Do đó, kiến nghị chính quyền địa phương cần có giải pháp quản lý việc khai thác trái phép các loài này từ rừng, đồng thời, có chính sách nghiên cứu nhân giống, gây trồng nhằm phục vụ kinh tế địa phương và bảo tồn nguồn gen các loài này.

Chi, V. V. (2004). *Từ điển thực vật thông dụng - tập 2*. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

Chi, V. V. (2018a). *Từ điển cây thuốc Việt Nam - tập 1* (tái bản lần thứ 1). Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

Chi, V. V. (2018b). *Từ điển cây thuốc Việt Nam - tập 2* (tái bản lần thứ 1). Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

Chi, V. V., & Hợp, T. (1999). *Cây cỏ có ích ở Việt Nam - tập 1*. Nhà xuất bản Giáo dục, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi, V. V., & Hợp, T. (2001). *Cây cỏ có ích ở Việt Nam - tập 2*. Nhà xuất bản Giáo dục, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2021). *Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp* (Số 84/2021/NĐ-CP). <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=204157>

Hộ, P. H. (1999). *Cây cỏ Việt Nam - quyển 1*. Nhà xuất bản Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hộ, P. H. (2000). *Cây cỏ Việt Nam - quyển 2*. Nhà xuất bản Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hộ, P. H. (2003). *Cây cỏ Việt Nam - quyển 3*. Nhà xuất bản Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hợp, T. (2000). *Cây cảnh và hoa Việt Nam*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- Hợp, T. (2002). *Tài nguyên cây gỗ Việt Nam*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- Hợp, T. (2012). *Tài nguyên cây cảnh Việt Nam - tập 1*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- Hợp, T. (2016). *Tài nguyên cây cảnh Việt Nam - tập 2*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- Khánh, T. C., & Hải, P. (2004). *Cây độc ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Lợi, Đ. T. (2015). Những cây làm thuốc và vị thuốc Việt Nam (Có sửa chữa bổ sung). Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Mỗi, L. Đ. (chủ biên), Cư, L. Đ., Hợi, T. M., Thủy, N. T., Thảo, N. T. P., Thái, T. H., & Bán, N. K. (2001). *Tài nguyên thực vật có tinh dầu ở Việt Nam - tập 1*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- Mỗi, L. Đ. (chủ biên), Cư, L. Đ., Hợi, T. M., Thái, T. H., Bán, N. K. (2002). *Tài nguyên thực vật có tinh dầu ở Việt Nam - tập 2*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- Nghĩa N. H. (2007). *Átlát cây rừng Việt Nam – tập 1*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- Nghĩa N. H. (2008). *Átlát cây rừng Việt Nam – tập 2*. Nhà xuất bản Bản đồ, Hà Nội.
- Nghĩa N. H. (2010). *Átlát cây rừng Việt Nam – tập 3*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- Nghĩa N. H. (2012). *Átlát cây rừng Việt Nam – tập 4*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- Nghĩa N. H. (2013). *Átlát cây rừng Việt Nam – tập 5*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- Nghĩa N. H. (2014). *Átlát cây rừng Việt Nam – tập 6*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- Nghĩa N. H. (2016). *Átlát cây rừng Việt Nam – tập 7: Cây thuốc*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- Quân Đ. M., & Sơn Đ. V. (2016). *Sách chuyên khảo Đa dạng hệ thực vật và hệ sinh thái rừng ở vườn quốc gia Phú Quốc*. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.
- Quân Đ. M., Phương T. M., Phúc N. T., & Khoa T. M. (2018). Đa dạng nguồn tài nguyên cây làm thuốc ở đảo Nam Du tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Khoa học Tự nhiên và Công nghệ*, 34(4), 105-115. <https://doi.org/10.25073/2588-1140/vn.unst.4823>.
- Takhtajan, A. L. (2009). *Flowering Plant* (2<sup>nd</sup> edition). Springer Publisher. <https://doi.org/10.1007/978-1-4020-9609-9>.
- The World Flora Online. (2023). Published on the Internet. <https://www.worldfloraonline.org>.
- Thìn, N. N. (2007). *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội. (2001). *Danh lục các loài thực vật Việt Nam - tập 1*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- Ủy ban Nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang (2022). *Báo cáo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu (năm 2022) huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang*. <https://kiengiang.gov.vn/trang/TinTuc/255/31511/Ho-so-Quy-hoach-su-dung-dat-den-nam-2030-va-Ke-hoach-su-dung-dat-nam-2022-cua-huyen-Kien-Hai>.
- Vân, Đ. T. (2013). *Cây ăn quả Việt Nam*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.